

# Bản tin thị trường

16.02.2023

*Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks*

## Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường  
Cổ phiếu quan tâm  
Danh mục đầu tư

## Tin Doanh Nghiệp

DGW, VHC

## Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng  
Lịch chia cổ tức



## Thị trường có phiên tăng thứ hai liên tiếp

Hôm nay là phiên đảo hạm phái sinh vì vậy có một chút thận trọng vào đầu phiên giao dịch. Động lực tăng của thị trường vẫn duy trì tốt trong phiên hôm nay. Nhóm blue chip giữ giá tốt và thị trường kéo giá nhóm này để thúc đẩy chỉ số. Họ Vingroup đã ngưng đà giảm trong khi NVL hôm nay cũng tăng trở lại 3%. Nhóm bất động sản khá nhiều mã tạo sóng như NLG, DRH, HDG, DXG...

Dòng tiền có dấu hiệu vào lại nhóm thép kéo NKG tăng trần dư mua cuối phiên. HSG cũng tăng trên 5%. Nhóm ngành thép, dầu khí, dệt may nổi bật nhất hôm nay. GIL sau thời gian đi ngang đã tăng trần lên 20.25. TNG cũng tăng trần dư mua cuối phiên. Theo báo cáo sớm cập tình hình kinh doanh tháng 1/2023, TNG đạt doanh thu tiêu thụ đạt gần 397 tỷ đồng, hoàn thành 105% so với kế hoạch (377 tỷ đồng). Năm 2023, HĐQT TNG đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh với doanh thu mục tiêu đạt 7.500 tỷ đồng và lợi nhuận 337 tỷ đồng, lần lượt tăng 11% và 16% so với năm 2022. Mức cổ tức tối thiểu 16%.

Thị trường đã có 2 phiên tăng điểm liên tiếp và phục hồi từ vùng đáy hỗ trợ 1030 lên gần 1060. Phiên ngày mai có thể là thử thách cho Vnindex khi lượng hàng cổ phiếu giá rẻ về tài khoản đặt áp lực bán gia tăng.



## Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex bật lên sau khi chạm vùng hỗ trợ ngay cạnh biên dưới của dải Bollinger Band tại 1030. Mức hồi của chỉ số Index khá tốt dù có phần chậm lại ở phiên hôm nay. Với thanh khoản hiện tại khả năng chỉ số sẽ gặp ngưỡng cản đầu tiên ngay vùng 1065-1075 là đường MA 20. Nhà đầu tư có thể cơ cấu danh mục lại ở phiên ngày mai khi chỉ số Index tiến về vùng này. Thị trường có thể rung lắc nhẹ nhưng khả năng khó xuyên phá biên dưới của 1050. Các trạng thái điều chỉnh có thể tích lũy dần cổ phiếu.

Một số cổ phiếu giữ động lực tốt giai đoạn hiện tại: LCG, VCG, VGC, IDC, TNG, VCI, HSG, NKG, HPG, PVD, PVS.

# Tin Doanh Nghiệp

## Digiworld đạt mục tiêu lãi sau thuế 787 tỷ đồng năm 2023



HDQT CTCP Thế giới số (Digiworld - Mã: DGW) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với 25.109 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế là 787 tỷ đồng.

Năm 2022, doanh thu thuần của công ty đạt 22.059 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế khoảng 684 tỷ đồng, đều tăng 5% so với năm trước.

Như vậy, kế hoạch năm 2023 của Digiworld cao hơn 14% về kết quả doanh thu và cao hơn 15% về kết quả lợi nhuận sau thuế so với năm 2022.

Tính đến cuối năm 2022, tổng tài sản của Digiworld đạt 6.355 tỷ đồng, giảm 3% so với đầu năm. Trong đó hàng tồn kho chiếm hơn 51% tài sản, khoảng 3.254 tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm.

Lượng tiền, tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng còn 827 tỷ đồng, giảm 45% so với đầu năm. Năm 2022, Digiworld chỉ thu về 2,6 tỷ đồng tiền lãi ngân hàng trong tổng 209 tỷ đồng doanh thu từ hoạt động tài chính.

Số tiền đi vay nợ là 1.955 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022, hầu hết là nợ vay ngắn hạn. So với đầu năm, khoản nợ vay này đã tăng 75%. Chi phí lãi vay là 39 tỷ đồng năm 2022.

Về hoạt động M&A, quý III/2022, Digiworld đã chi hơn 250 tỷ đồng để sở hữu 49% cổ phần của CTCP Archison (một doanh nghiệp cung cấp thiết bị bảo hộ lao động). Sau đó, Digiworld đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Archison lên 60% vào quý IV/2022.

Đồng thời, Digiworld cũng đặt mục tiêu hoàn thành hai thương vụ M&A trong năm nay, một trong mảng thiết bị văn phòng và một trong mảng hàng tiêu dùng. Quy mô các thương vụ tương tự thương vụ Archison và được kỳ vọng hoàn thành trong quý II hoặc quý III.

## Doanh thu xuất khẩu của Vĩnh Hoàn sụt tháng thứ ba liên tiếp

CTCP Vĩnh Hoàn (Mã: VHC) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 1/2023 với doanh thu xuất khẩu giảm 45% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 462 tỷ đồng, thấp nhất kể từ tháng 3/2021 và là tháng thứ ba liên tiếp ghi nhận doanh thu tăng trưởng âm.

Tháng đầu năm 2023, tất cả các ngành hàng đều ghi nhận sự sụt giảm mạnh về doanh thu, trong đó cá tra giảm 44% xuống 273 tỷ đồng, sản phẩm phụ giảm 54% còn 54 tỷ đồng. Các mảng chăm sóc sức khỏe, bánh phồng tôm và sản phẩm giá trị gia tăng lần lượt giảm 74%, 42% và 17% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xét về thị trường xuất khẩu, Mỹ (nước nhập khẩu chính sản phẩm của Vĩnh Hoàn) giảm tới 65% xuống 117 tỷ đồng, thị trường châu Âu cũng sụt giảm tới 28%. Doanh thu tại thị trường nội địa cũng đi xuống 34% còn 140 tỷ đồng. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc có sự cải thiện 22% lên 32 tỷ đồng nhờ chính sách mở cửa, song tỷ trọng đóng góp vào doanh thu chung không lớn.

Kết thúc tháng đầu năm cho thấy, xuất khẩu thủy sản chỉ đem về 600 triệu USD, giảm tới 31% so với tháng 1/2022, trong đó xuất khẩu cá tra cá tra giảm tới 50% về 107 triệu USD. VASEP dự báo, bức tranh xuất khẩu thủy sản sẽ không thể bừng sáng trở lại ngay trong những tháng đầu năm khi mà nền kinh tế thế giới được dự báo có thể sẽ rơi vào suy thoái trong năm nay.

Lợi thế sẽ nghiêng nhiều hơn về các ngành hàng có giá vừa phải vì phù hợp với tầng lớp người tiêu dùng thu nhập thấp hoặc trung bình – vốn là nhóm bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi lạm phát. Ngoài ra, việc Trung Quốc mở cửa mang lại hy vọng lớn về sự hồi phục nhu cầu không chỉ ở thị trường này mà cả các thị trường khác trên thế giới, khi mà du lịch và giao thương được thông suốt. Và sự hồi phục mà thị trường này mang lại cũng sẽ có kết quả rõ ràng ít nhất là từ quý II/2023.



## Tổng hợp kết quả kinh doanh 2022

b	c	d	e	f	g	h	j	k
VIB	Ngân hàng	HOSE	2,216.92	(0.7)	3.7	8,468.8	4,483	5.1
TPB	Ngân hàng	HOSE	1,519.33	(11.2)	15.5	6,260.8	3,959	6.1
FPT	Công nghệ Thông tin	HOSE	1,351.60	(7.0)	3.8	5,295.0	5,241	16.0
DGC	Hóa chất	HOSE	1,032.40	(27.0)	(20.8)	5,567.8	19,356	3.1
LPB	Ngân hàng	HOSE	667.90	(32.3)	3.6	4,510.3	3,223	4.6
NLG	Bất động sản	HOSE	437.08	5,428.1	20.9	556.3	1,452	19.7
PHR	Bất động sản KCN	HOSE	418.80	244.5	76.9	886.9	6,538	6.7
EIB	Ngân hàng	HOSE	403.59	(60.6)	111.1	2,945.8	2,396	11.3
DPR	Cao su	HOSE	292.08	325.1	(5.6)	239.6	10,819	5.3
BAB	Ngân hàng	HNX	286.58	25.6	74.0	859.5	1,121	12.2
BMP	Vật liệu xây dựng	HOSE	248.43	41.8	117.1	696.3	8,505	7.5
VIP	Vận tải - Logistics	HOSE	243.79	502.2	3,880.8	245.7	3,593	2.6
DHG	Y tế	HOSE	236.20	(10.0)	38.5	988.5	7,560	11.8
PVS	Dầu khí	HNX	222.57	15.8	163.5	620.4	1,346	18.6
RAL	Hàng cá nhân & Gia dụng	HOSE	209.51	254.3	26.2	486.4	25,361	3.4
NVB	Ngân hàng	HNX	180.96	-	-	0.0	-	-
HDC	Bất động sản	HOSE	171.98	138.8	72.8	419.5	4,288	7.4
SCS	Du lịch và Giải trí	HOSE	157.32	(2.2)	(1.1)	646.1	9,795	7.5
PGD	Dầu khí	HOSE	153.80	52.4	116.3	412.7	4,586	6.5
BIC	Bảo hiểm	HOSE	137.18	141.2	31.3	314.5	2,682	10.1
VPI	Bất động sản	HOSE	133.71	63.2	(46.5)	490.9	2,226	23.8
CTR	Xây dựng	HOSE	123.96	(3.3)	(5.0)	444.3	4,262	13.8
EVF	Dịch vụ tài chính	HOSE	123.10	56.5	33.1	365.8	1,105	7.6
KDH	Bất động sản	HOSE	118.86	(66.2)	(71.3)	1,102.2	1,627	17.0
VCF	Thực phẩm và đồ uống	HOSE	107.30	43.4	(46.2)	319.1	14,017	15.8
ANV	Thủy sản	HOSE	106.53	(11.2)	99.1	673.7	5,300	5.9
DPG	Xây dựng	HOSE	105.90	14.7	(0.4)	393.1	6,480	5.5
SBA	Điện	HOSE	99.75	85.2	53.6	244.5	4,056	5.9
MDC	Khoáng sản	HNX	92.53	1,657.1	455.7	109.5	5,098	1.6
S4A	Điện	HOSE	92.27	230.9	22.5	173.5	4,112	8.4
DRC	Ô tô và phụ tùng	HOSE	81.89	6.2	(6.3)	308.5	2,598	8.6
IMP	Y tế	HOSE	78.96	41.5	18.6	234.0	3,509	16.4
FMC	Thủy sản	HOSE	78.20	1.7	(25.3)	307.5	4,738	7.7
TBC	Điện	HOSE	76.69	(18.8)	223.9	323.9	5,101	6.0
CDN	Vận tải - Logistics	HNX	74.22	12.6	30.7	271.3	2,743	10.1
TDM	Nước	HOSE	73.92	35.9	(45.9)	220.4	2,204	17.1
DMC	Y tế	HOSE	70.98	44.4	30.7	200.1	5,761	7.8
NTP	Vật liệu xây dựng	HNX	69.24	(17.4)	(41.1)	479.5	3,897	8.6
PPC	Điện	HOSE	68.98	(55.5)	7.8	372.7	1,183	12.0
BMI	Bảo hiểm	HOSE	68.90	(17.7)	10.9	292.6	2,669	9.2
NCT	Vận tải - Logistics	HOSE	67.04	18.8	21.1	237.2	9,065	9.5
VFG	Hóa chất	HOSE	65.72	10.0	34.5	229.0	6,641	6.0
SLS	Thực phẩm và đồ uống	HNX	62.29	8.5	(18.1)	187.6	19,163	6.5
HT1	Xây dựng	HOSE	57.65	58.4	8.1	261.4	668	19.9
VNS	Du lịch và Giải trí	HOSE	55.31	(7.6)	-	183.8	2,708	6.7
VTO	Vận tải - Logistics	HOSE	55.01	130.9	(39.0)	71.1	1,044	7.7
SEB	Điện	HNX	54.04	93.3	(3.8)	187.8	5,868	8.4





## Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



## Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	24.8	5,995,200	6.1	1.4	7,885,100	7,885,100	4,053	17,303
BID	HOSE	45.0	2,040,300	12.5	2.2	200,800	5,100	3,597	20,600
CTG	HOSE	29.7	5,961,800	8.4	1.3	782,560	169,510	3,518	22,536
EIB	HOSE	22.0	400,100	9.2	1.3	258,110	900,000	2,384	16,576
HDB	HOSE	18.5	1,779,000	6.0	1.2	2,186,450	538,870	3,063	15,411
LPB	HOSE	14.0	6,317,800	5.4	1.0	6,800	6,300	2,608	13,912
MBB	HOSE	18.3	9,550,900	4.7	1.0	7,344,000	7,344,000	3,856	17,559
MSB	HOSE	12.4	3,089,500	5.3	0.9	207,700	700	2,325	13,423
OCB	HOSE	17.1	2,454,900	6.7	0.9	1,000	2,700	2,562	18,448
SHB	HOSE	10.1	14,782,600	4.0	0.7	124,800	455,210	2,512	13,939
SSB	HOSE	32.0	1,439,300	16.1	2.5	26,900	-	1,986	12,857
STB	HOSE	23.9	13,785,600	8.9	1.2	930,000	4,434,900	2,674	20,489
TCB	HOSE	27.9	4,810,300	4.9	0.9	-	-	5,729	32,248
TPB	HOSE	24.0	2,456,300	6.1	1.2	310,000	-	3,958	20,382
VCB	HOSE	92.4	904,300	14.6	3.2	422,000	532,800	6,316	29,158
VIB	HOSE	20.9	1,822,400	5.2	1.3	-	-	4,018	15,492
VPB	HOSE	17.5	12,627,600	6.5	1.1	4,659,800	4,658,800	2,695	15,351
BAB	HNX	13.3	7,700	12.6	1.1	-	-	1,057	12,082
NVB	HNX	19.4	45,500	-	1.9	-	900	0	10,290
VBB	UPCOM	11.0	18,400	10.2	0.8	-	-	1,082	13,101
VAB	UPCOM	7.5	136,700	4.3	0.6	-	-	1,731	13,530
SGB	UPCOM	13.0	36,500	-	1.0	-	-	617	12,659
PGB	UPCOM	17.8	12,000	13.2	1.2	-	-	1,349	15,285
NAB	UPCOM	10.0	267,000	-	-	40	-	-	-
KLB	UPCOM	10.9	5,500	7.3	0.8	-	-	1,491	14,191
BVB	UPCOM	10.7	619,400	10.8	0.8	-	-	992	13,628
ABB	UPCOM	8.1	2,119,300	5.6	0.6	-	-	1,442	13,873
			<b>93,485,900</b>	<b>8.11</b>	<b>1.24</b>	<b>25,346,060</b>	<b>26,934,890</b>	<b>2,601</b>	<b>16,705</b>



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VDP	HOSE	14/03/2023	15/03/2023	18/05/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SAB	HOSE	02/03/2023	03/03/2023	24/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BDB	HNX	28/02/2023	01/03/2023	14/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DAD	HNX	23/02/2023	24/02/2023	22/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NDP	UPCoM	23/02/2023	24/02/2023	26/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	APF	UPCoM	23/02/2023	24/02/2023	10/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CLC	HOSE	23/02/2023	24/02/2023	16/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	NTH	HNX	23/02/2023	24/02/2023	13/03/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	IDV	HNX	22/02/2023	23/02/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	DNC	HNX	21/02/2023	22/02/2023	28/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	S4A	HOSE	21/02/2023	22/02/2023	15/03/2023	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SMB	HOSE	20/02/2023	21/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TPB	HOSE	20/02/2023	21/02/2023	03/03/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	ICG	HNX	17/02/2023	20/02/2023	09/03/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EIB	HOSE	17/02/2023	20/02/2023		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	DTV	UPCoM	17/02/2023	20/02/2023	12/04/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VPI	HOSE	16/02/2023	17/02/2023	27/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DPM	HOSE	16/02/2023	17/02/2023	22/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SHP	HOSE	16/02/2023	17/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	THP	UPCoM	14/02/2023	15/02/2023	01/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	FIR	HOSE	13/02/2023	14/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	DNH	UPCoM	13/02/2023	14/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	ITD	HOSE	13/02/2023	14/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	BAB	HNX	13/02/2023	14/02/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:15, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
25	VIB	HOSE	09/02/2023	10/02/2023	03/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DNT	UPCoM	09/02/2023	10/02/2023	01/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SFI	HOSE	08/02/2023	09/02/2023	08/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	SD5	HNX	08/02/2023	09/02/2023	24/02/2023	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VI**Securities  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)**

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### **Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931